

	TÊN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>XÃ HOÀNH MÔ (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực trung tâm thương mại Hoàn Mô</b>	
1.1	Bám mặt đường QL 18 C từ cứ B2 đến đầu ngầm Bưu điện (Bám mặt đường)	1,300,000
1.2	Khu dân cư đối diện đồn 23 Hoàn Mô (bám mặt đường)	1,200,000
1.3	Khu dân cư từ sau Bưu điện Hoàn Mô đến hết nhà ở Ban quản lý Cửa Khẩu (bám mặt đường)	1,100,000
1.4	Đoạn đường từ tiếp giáp nhà ở Ban quản lý Cửa khẩu đến nhà ông Trần A Sẵn (bám mặt đường)	600,000
1.5	Đường QL 18 C đoạn từ nhà ông Ngô Thiêm Hùng đến tiếp giáp cứ B2 (bám mặt đường)	1,100,000
1.6	Khu ba dãy quy hoạch A8 (bám mặt đường)	800,000
1.7	Khu dân cư quy hoạch bãi Bạch Đàn (bám mặt đường)	800,000
1.8	Đoạn đường từ đường rẽ vào Trường tiểu học đến đập Hái Nạc (bám mặt đường)	600,000
1.9	Đường trục chính Cửa khẩu đoạn từ tiếp giáp khu A8 đến tiếp giáp đường đi Đồng Văn (bám mặt đường)	700,000
1.10	Đường Hoàn Mô - Đồng Văn đoạn từ kéo Nà Kiềng đến cổng Tà Coọng (nhà bà Tô Thị Viên) bám mặt đường	350,000
1.11	Đường Hoàn Mô - Đồng Văn đoạn còn lại (từ tiếp giáp nhà bà Tô Thị Viên đến tiếp giáp ngã ba đường rẽ xuống chợ xã Đồng Văn) bám mặt đường	200,000
1.12	Các hộ dân còn lại bám quốc lộ 18 C	350,000
<b>2</b>	<b>Các khu vực còn lại</b>	
2.1	Các hộ dân bám mặt đường liên xã, liên thôn (bám mặt đường)	100,000

2.2	Các Khu vực còn lại	90,000
<b>II</b>	<b>XÃ ĐÔNG VĂN (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực trung tâm</b>	
1.1	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ xuống chợ đến đầu ngàm Cốc Lý (bám mặt đường)	500,000
1.2	Khu dân cư hai bên Khu A + B	400,000
1.3	Đoạn đường từ nhà bà La Thị Hà đến tiếp giáp Trường THCS xã (bám mặt đường)	350,000
1.4	Đoạn đường từ ngã ba (trạm Biên phòng) đến UBND xã (bám mặt đường)	300,000
1.5	Đoạn đường từ tiếp giáp UBND xã đến ngã ba đường rẽ Sông Moóc A (bám mặt đường)	150,000
1.6	Đoạn đường từ tiếp giáp đường rẽ Sông Moóc A đến Trường tiểu học thôn Khe Tiền (bám mặt đường)	130,000
1.7	Đường từ ngàm Cốc Lý đến ngàm 1 thôn Phai Lâu (bám mặt đường)	120,000
2	Các khu vực còn lại	
2.1	Các hộ bám mặt đường liên thôn, liên xã (bám mặt đường)	100,000
2.2	Các khu vực còn lại	90,000
<b>III</b>	<b>XÃ HÚC ĐỘNG (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực trung tâm</b>	
1.1	Bám đường nhựa từ đầu ngàm Nà ếch đến hết UBND xã (bám mặt đường)	180,000
1.2	Bám mặt đường khu dân cư từ tiếp giáp UBND xã đến đầu tràn sang Pò Đán (bám mặt đường)	180,000
1.3	Đoạn đường từ gốc cây đa thôn Nà ếch đến tiếp giáp nhà ông Trần Súi (bám mặt đường)	160,000
2	<b>Các khu vực còn lại</b>	

2.1	Các hộ bám mặt đường liên thôn, liên xã (bám mặt đường)	100,000
2.2	Các khu vực còn lại	90,000
<b>IV</b>	<b>XÃ ĐỒNG TÂM (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực trung tâm</b>	
1.1	Đường QL 18 C đoạn từ nhà ông Lèo Trung Hoà đến đầu dốc Đài tưởng niệm (bám mặt đường)	500,000
1.2	Đoạn đường bê tông từ ngã ba Quốc lộ 18 C đến đầu đập tràn sang Pắc Pò (bám mặt đường)	150,000
1.3	Khu dân cư sau UBND xã, Bưu điện văn hoá xã và sau dịch vụ thương mại xã	130,000
1.4	Các hộ dân còn lại bám Quốc lộ 18 C	200,000
<b>2</b>	<b>Các khu vực còn lại</b>	
2.1	Các hộ bám mặt đường liên thôn, liên xã (bám mặt đường)	100,000
2.2	Các khu vực còn lại	90,000
<b>V</b>	<b>XÃ LỤC HÒN (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực trung tâm</b>	
1.1	Đường QL 18 C đoạn từ đài tưởng niệm đến chợ xã (bám mặt đường)	550,000
1.2	Đường QL 18 C đoạn từ đầu dốc Cốc Bá (từ nhà ông Hoàng Choóng - Lục Nà) đến tiếp giáp đài tưởng niệm xã (bám mặt đường)	350,000
1.3	Đường QL 18 C đoạn từ chợ xã đến nhà ông Hoàng Khởi Thọ (bám mặt đường)	350,000
1.4	Bám đường khu dân cư quy hoạch sau chợ đến đầu dốc Cốc Bá (tiếp giáp nhà ông Hoàng Choóng - Lục Nà)	150,000
1.5	Ngã ba Bản Pạt từ đoạn rẽ vào nhà ông Loan Thanh Liêm đến nhà ông La Quảng Lợi (bám mặt đường)	120,000
1.6	Các hộ dân còn lại bám Quốc lộ 18 C	200,000

<b>2</b>	<b>Các khu vực còn lại</b>	
2.1	Các hộ bám mặt đường liên thôn, liên xã (bám mặt đường)	100,000
2.2	Các khu vực còn lại	90,000
<b>VI</b>	<b>XÃ VÔ NGẠI (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực trung tâm</b>	
1.1	Đường QL 18 C đoạn từ Bưu điện văn hoá xã đến cổng Trường tiểu học Vô Ngại (bám mặt đường)	500,000
1.2	Đường QL 18 C đoạn từ xưởng mộc Lý Phong đến tiếp giáp cổng Trường tiểu học Vô Ngại (bám mặt đường)	250,000
1.3	Đoạn từ ngã ba QL 18 C đến Cầu treo (bám mặt đường)	150,000
1.4	Khu dân cư sau chợ và sau Bưu điện văn hoá xã	120,000
1.5	Các hộ dân còn lại bám Quốc lộ 18 C	200,000
<b>2</b>	<b>Các khu vực còn lại</b>	
2.1	Các hộ bám mặt đường liên thôn, liên xã (bám mặt đường)	100,000
2.2	Các khu vực còn lại	90,000
<b>VII</b>	<b>XÃ TỈNH HỨC (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực trung tâm</b>	
1.1	Đường QL 18 C đoạn từ đầu cầu Pắc Hoóc phía Tỉnh Hức đến đài tưởng niệm xã (bám mặt đường)	600,000
1.2	Đường QL 18 C đoạn từ tiếp giáp Đài tưởng niệm đến điểm Bưu điện văn hoá xã (bám mặt đường)	350,000
1.3	Các hộ dân còn lại bám Quốc lộ 18 C	200,000
<b>2</b>	<b>Các khu vực còn lại</b>	

2.1	Các hộ bám mặt đường liên thôn, liên xã (bám mặt đường)	100,000
2.2	Các khu vực còn lại	90,000

***Ghi chú: Việc xác định giá đất đối với thửa đất ở tại nông thôn có vị trí đất chênh cốt:***

Đối với thửa đất bám đường có độ chênh cao (hoặc thấp hơn) so với mặt đường (tính từ chỉ giới xây dựng trở vào):

a) Từ 2m đến dưới 3m giá đất bằng 80% giá đất quy định cùng vị trí, cùng khu vực tại bảng giá đất này.

b) Từ 3m trở lên giá đất bằng 70% giá đất quy định cùng vị trí, cùng khu vực tại bảng giá đất này.

Trường hợp giá đất xác định tại điểm a, b nêu ở trên thấp hơn 20% so với mức giá tối thiểu của khung giá đất Chính phủ quy định thì bằng mức giá tối thiểu của khung giá đất Chính phủ quy định giảm trừ 20%.